

Bản án số: 195/2024/DS-ST

Ngày: 28 - 8 - 2024

V/v Tranh chấp Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28/8/2024, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 312/2024/TLST-DS, ngày 04/7/2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 432/2024/QĐXXST-DS ngày 01/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 289/2024/QĐST-DS, ngày 15/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh ngày 01/01/1963 (có mặt). Địa chỉ: ấp G, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị Khánh L, sinh năm 1976 (vắng mặt) và ông Nguyễn Thanh C (vắng mặt). Cùng địa chỉ: ấp G, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Cần: Bà Đặng Thị Khánh L, sinh năm 1976 (vắng mặt). Địa chỉ: ấp G, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua phần hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

-Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2024 và tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà L và ông C làm chủ hội, bà là hội viên đã đóng hội sống cho bà L và ông C nhưng đến nay không giao tiền hội cho bà, cụ thể như sau:

Dây hội: hội mùa 2.000.000 đồng, mở vào ngày 20/07/2017 âm lịch, có 21 phần bà tham gia 01 phần tên trong danh sách hội ghi tên (B) là tên chồng bà, bà đóng hội sống được 19 lần với tiền là 38.000.000 đồng, đến tháng 03/2024 âm lịch thì bà L và ông C úp hội, nhưng bà L và ông C vẫn còn đi gom hội chết bình thường mà không giao tiền hội cho bà và đến nay bà L và ông C vẫn thiếu tiền hội số là 38.000.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Khánh L và ông Nguyễn Thanh C phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà số tiền hội là 38.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

- Đối với bị đơn bà Đặng Thị Khánh L cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Cần, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, thông báo về tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và đến giai đoạn xét xử. Nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản hay ý kiến gì gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục:*

[1] Đối với bị đơn bà Đặng Thị Khánh L, tòa án đã triệu tập hợp lệ đến để công khai, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử thì bị đơn đều vắng mặt, không có người đại diện và tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn L cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Cần.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P xin rút lại một phần khởi kiện, cụ thể nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hội là 17.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ phần nguyên đơn đã rút theo quy định của pháp luật.

** Về quan hệ tranh chấp:*

[2] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Mỹ L1 và ông Nguyễn Thanh C trả tiền nợ hội tổng cộng là 17.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Tranh chấp hợp đồng góp hội” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[1] Nguyên đơn trình bày về nội dung yêu cầu phía bị đơn trả số tiền nợ hội tổng cộng là 17.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi tham gia góp hội, phía nguyên đơn và bị đơn đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc tham gia góp hội trên cơ sở tự nguyện của hai bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên việc tham gia góp hội giữa nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng: Bị đơn có tham gia góp hội đối với nguyên đơn đã thể hiện qua danh sách những người tham gia góp hội và nguyên đơn đã đóng hội cho bị đơn, đây hội mùa 2.000.000 đồng mở ngày 20/7/2017 âm lịch, số tiền bị đơn còn thiếu 17.000.000 đồng, hiện nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; buộc bị đơn bà Đặng Thị Khánh L và ông Nguyễn Thanh C phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị P số tiền nợ hội là 17.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với số tiền 21.000.000 đồng nguyên đơn rút yêu cầu, Hội đồng xét xử đình chỉ theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 18, Điều 23, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà **Đặng Thị Khánh L** và ông **Nguyễn Thanh C** có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà **Nguyễn Thị P** số tiền nợ hội là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải trả **lãi** cho nguyên đơn mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu nguyên đơn đã rút số tiền 21.000.000 đồng.

4. Về án phí: Bị đơn bà **Đặng Thị Khánh L** và ông **Nguyễn Thanh C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: 17.000.000 đồng x 5% = 850.000 đồng.

Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị P** là người cao tuổi, nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách, Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhân